

ĐỖ HOÀI NAM, ĐẶNG PHONG (chủ biên). **Những mũi đột phá trong kinh tế thời trước đổi mới**. H.: Khoa học xã hội, 2009, 294 tr., Vb 9378.

Đối với Việt Nam và cả nước ngoài, giới nghiên cứu thường coi năm 1986 với Đại hội Đảng lần thứ VI là thời điểm bắt đầu công cuộc đổi mới. Trong thực tế, trước đây nhiều năm, đã có nhiều mũi đột phá gian nan, nhưng đầy mưu trí, sáng tạo, nhằm tháo gỡ nhiều ách tắc của cơ chế kinh tế cũ, mà nếu không có những bước đột phá thành công ấy, khó có thể nói đến những thắng lợi ngoạn mục của sự nghiệp đổi mới. Nội dung cuốn sách, từ góc nhìn khách quan của lịch sử, các tác giả trình bày những diễn biến của một số cuộc đột phá để làm rõ tinh thần tìm tòi, sáng tạo của những cơ sở, của những con người đã tìm được đường đi đúng hướng không những cho cơ sở của mình, mà còn tìm ra hướng đi chung cho nền kinh tế. Sách gồm 6 phần.

Phần mở đầu làm rõ tình hình sau giải phóng: *khủng hoảng* và Hội nghị Trung ương lần thứ 6 và *những đột phá về tư duy kinh tế*.

Phần I làm rõ “từ đột phá của cơ sở đến sửa đổi chính sách”, *đột phá trong công nghiệp* với một loạt các trường hợp như: xí nghiệp Dệt Thành Công tự cứu; cơ chế ăn chia ở Xí nghiệp đánh cá Côn Đảo – Vũng Tàu; Công ty Vận tải biển Vietfracht dưới tay lái của một nữ “thuyền trưởng”...

Phần II làm rõ “từ khoán chui đến khoán 100 và khoán 10”, *đột phá trong nông nghiệp* với các trường hợp như:

Khoán ở Hải Phòng; Giải thể các tập đoàn máy kéo ở An Giang;...

Phần III làm rõ “từ ngăn sông cấm chợ đến cơ chế thị trường”, *đột phá trong lưu thông phân phối* với các trường hợp: Công ty Lương thực thành phố Hồ Chí Minh vượt “dèn dờ”;...

Phần IV phân tích “từ độc quyền đến mở cửa” cho thấy rõ kết quả của nó là “mở cửa và tăng trưởng” với các trường hợp: các “Imex”; Vietcombank – người “tiếp tay”;...

Phần cuối của sách là “Những bài học lịch sử từ những mũi đột phá”.

PHƯƠNG CHI

JEAN-PIERRE CLING, STÉPHANE LAGRÉE, MIREILLE RAZAFINDRAKOTO, FRANÇOIS ROUBAUD. **Việt Nam sau một năm gia nhập WTO: tăng trưởng và việc làm**. H.: Chính trị quốc gia, 2009, 160 tr., Vb 47488.

Cuốn sách gồm 4 phần nội dung chính, là 4 kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài nhằm trả lời cho các câu hỏi như: Việc Việt Nam gia nhập WTO có thể có tác động như thế nào đến con đường phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam? Điều đó có thể gây ra những tác động gì đến việc làm và quá trình tái cơ cấu lực lượng lao động ở Việt Nam? Việc gia nhập này có ảnh hưởng gì tới tình trạng bất bình đẳng và nghèo đói? sau một năm Việt Nam gia nhập WTO.

Nội dung thứ nhất đánh giá về tình hình *kinh tế Việt Nam một năm sau gia nhập WTO: kết quả và bài học*.

Hai nội dung tiếp theo xem xét *tác động xã hội của hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập WTO ở Việt Nam và Tác động phân bổ thu nhập của việc Việt Nam gia nhập WTO*.

Nội dung thứ tư đề cập tới triển vọng nghiên cứu khi nêu ra một khuôn khổ chung liên quan đến các vấn đề đàm phán đa phương trong khuôn khổ WTO với nghiên cứu *hiệp định thương mại tự do WTO: nắm trong tay còn hơn chờ sẽ*.

KHÁNH HÀ

BỘ NGOẠI GIAO, BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ NGOẠI GIAO. **Vận dụng tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh thời kỳ hội nhập quốc tế**. H.: Chính trị quốc gia, 2009, 219 tr., Vb 47486.

Tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh bao gồm hệ thống các quan điểm, đường lối chiến lược và sách lược đối với các vấn đề quốc tế, chính sách đối ngoại, ngoại giao trong chiến lược cách mạng của nước ta như: đánh giá, dự báo tình hình, nắm bắt thời cơ, tổ chức lực lượng, nhận rõ bạn thù, tranh thủ đồng minh, cô lập kẻ thù chủ yếu, kiên định về nguyên tắc, linh hoạt về sách lược, biết thắng từng bước để tiến tới thắng lợi hoàn toàn, độc lập tự chủ gắn liền với đoàn kết quốc tế,... Trong điều kiện, tình hình mới, việc nghiên cứu tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh và việc vận dụng linh hoạt cho phù hợp vẫn là một yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng.

Cuốn sách là tập hợp những bài viết phân tích, luận giải một số quan điểm trong tư tưởng đối ngoại Hồ Chí Minh như: độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, độc lập tự chủ gắn liền với đoàn kết, hợp tác quốc tế, bảo đảm lợi

ích dân tộc trong xử lý quan hệ với các nước lớn...

Sách gồm 3 phần: Phần 1, Những vấn đề đặt ra cho ngoại giao Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế; Phần 2, Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đối ngoại; Phần 3, Vận dụng phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh.

TRUNG HẬU

TRẦN THỊ MINH NGỌC (chủ biên). **Một số yếu tố cản trở quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước**. H.: Chính trị quốc gia, 2009, 210 tr., Vb 47500.

Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước là một trong những chủ trương và giải pháp có tính chiến lược, có ý nghĩa đột phá của Đảng và Nhà nước nhằm đổi mới và cải cách căn bản doanh nghiệp nhà nước hiện nay. Tuy nhiên, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước so với yêu cầu đổi mới diễn ra còn chậm, chưa đáp ứng được mục tiêu và yêu cầu đề ra. Quá trình này trên cả nước nói chung và ở Hà Nội nói riêng đang gặp nhiều khó khăn, đã và đang tồn tại nhiều rào cản làm chậm bước tiến của cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, thậm chí có những biểu hiện chệch hướng, làm cho cổ phần hoá biến dạng thành tư nhân hoá. Nội dung cuốn sách được các tác giả trình bày trong 3 chương.

Chương 1 nêu những cơ sở lý luận và thực tiễn về những yếu tố cản trở quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp.

Chương 2 phân tích một số yếu tố cản trở quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, lấy địa bàn cụ thể là Hà Nội.

Chương 3 đề xuất một số giải pháp khắc phục rào cản, thúc đẩy quá trình cổ

phân hoá doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn Hà Nội trong những năm tới.

HOÀI PHÚC

VÕ TRÍ THÀNH (chủ biên). **Tăng trưởng và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: bài toán huy động và sử dụng vốn**. H.: Khoa học xã hội, 2007, 388 tr., Vb 47364.

Sau 20 năm *Đổi mới*, nền kinh tế Việt Nam đã có những biến đổi sâu sắc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cùng với quá trình mở cửa và trong xu thế toàn cầu hóa, việc tiếp cận các nguồn vốn trở nên dễ dàng hơn, song không vì thế mà bài toán công nghiệp hóa và tiến kịp trở nên dễ giải quyết hơn. Cả lý thuyết và thực tiễn đều chứng tỏ việc nâng cao hiệu quả đầu tư ngày càng có ý nghĩa hơn trong việc bảo đảm tăng trưởng bền vững và công nghiệp hóa thành công.

Cuốn sách gồm 5 chương, tập trung:

- Xác định cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách huy động vốn và sử dụng vốn cho công nghiệp hóa (chương 1 và 2);

- Đánh giá tổng quan quá trình *Đổi mới*, cải cách, công nghiệp hóa và huy động, sử dụng vốn cho công nghiệp hóa ở Việt Nam, nhất là trong những năm 1990 trở lại đây (chương 3);

- Luận chứng về nhu cầu huy động vốn và hiệu quả đầu tư ngắn hạn với mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành trong “Kế hoạch Phát triển kinh tế – xã hội năm 2006-2010” và xa hơn (chương 4);

- Đề xuất quan điểm và định hướng chính sách huy động và sử dụng vốn đầu tư một cách hiệu quả, bảo đảm thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa của Việt Nam (chương 5).

KHÁNH HÀ

NGUYỄN ĐỨC LỮ, NGUYỄN THỊ KIM THANH (tuyển chọn và biên soạn). **Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo**. H.: Chính trị quốc gia, 2009, 350 tr., Vb 47587.

Nhằm đáp ứng nhu cầu công tác tôn giáo, công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo cũng như nhu cầu nghiên cứu tìm hiểu của chức sắc tín đồ các tôn giáo và đông đảo bạn đọc; đồng thời để giúp cho công tác nghiên cứu và giảng dạy về tín ngưỡng, tôn giáo có hệ thống từ chủ nghĩa Marx-Lenin đến tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam và những thông tin có hệ thống về các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng đối với tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời kỳ cách mạng, các tác giả đã tuyển chọn và biên soạn cuốn sách *Một số quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về tôn giáo*. Sách gồm hai phần:

Phần 1: Quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đối với tôn giáo giai đoạn từ năm 1930 đến trước *đổi mới*. Giới thiệu quan niệm chung về tôn giáo, tín ngưỡng; Các nguyên tắc của Đảng đối với tôn giáo (nguyên tắc đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; nguyên tắc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo.. ; Nguyên tắc chống lợi dụng tôn giáo và hoạt động mê tín dị đoan); Chủ trương, chính sách của Đảng đối với một số tôn giáo lớn (Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hòa Hảo);

Phần 2: Quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng đối với tôn giáo từ khi *đổi mới* đến nay.

THIỆN KHANG

HÀ HUY THÀNH, NGUYỄN NGOC KHÁNH (đồng chủ biên). **Phát triển bền vững - Từ quan niệm đến hành động**. H.: Khoa học xã hội, 2009, 367tr., Vb 47563.

Nội dung cuốn sách là kết quả của đề tài khoa học do Viện nghiên cứu môi trường và phát triển bền vững thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam chủ trì thực hiện. Ngoài lời dẫn, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, sách gồm 3 chương, đi sâu vào quan điểm, nội dung và bản chất của phương thức phát triển bền vững cũng như hành động thực hiện phương thức phát triển này ở các nước trên thế giới và khu vực, đồng thời rút ra những bài học bổ ích cho Việt Nam trong quá trình hiện thực hoá định hướng chiến lược phát triển bền vững đất nước. Một loạt các vấn đề được các tác giả phân tích làm rõ như lịch sử hình thành quan niệm phát triển bền vững, tính tất yếu, tiến trình thời gian của khái niệm, thể chế phát triển bền vững và phát triển bền vững trong xu thế toàn cầu hoá (chương I); Khung khổ cơ bản của phát triển bền vững, bao gồm khung khổ phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc và Chương trình phát triển bền vững toàn cầu; Khung khổ phát triển bền vững cấp khu vực và Chương trình phát triển bền vững cấp khu vực; Khung khổ phát triển bền vững cấp quốc gia và chương trình phát triển bền vững quốc gia; Khung khổ phát triển bền vững cấp địa phương (chương II); Và hành động vì sự phát triển bền vững, chủ yếu là ở cấp khu vực, kinh nghiệm định hướng phát triển bền vững của các nước phát triển, các nước đang phát triển... và vấn đề phát triển bền vững ở Việt Nam (chương III).

Đặc biệt trong phần Phụ lục bạn đọc có thể tìm thấy 27 nguyên tắc về phát

triển bền vững của thế giới; Những nội dung cơ bản của Chương trình nghị sự 21 của LHQ; Bộ chỉ tiêu về PTBV của LHQ; Bộ chỉ tiêu PTBV của Việt Nam.

HIỂN LY

PHẠM QUÝ LONG (chủ biên). **Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên trong thập niên đầu thế kỷ XXI**. H.: Từ điển bách khoa, 2009, 230 tr., Vb 47554.

Khu vực Đông Bắc Á hiện nay đang ngày càng chứng tỏ là một khu vực nhạy cảm về chính trị và năng động về kinh tế. Đặc biệt, một số nền kinh tế trong khu vực có vai trò và ảnh hưởng rất rõ rệt đối với sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Trong xu thế hoà dịu về chính trị, giảm thiểu đối đầu quân sự, gia tăng hội nhập và liên kết kinh tế giữa các quốc gia, kể cả nội vùng và ngoại vùng, CHDCND Triều Tiên ắt cũng sẽ nằm trong vòng ảnh hưởng của xu thế đó, dù rằng mức độ ảnh hưởng có thể khác nhau.

Cuốn sách đem đến cho bạn đọc cái nhìn toàn cảnh về CHDCND Triều Tiên trong thập kỷ đầu thế kỷ XXI trên tất cả các phương diện. Về kinh tế, các tác giả đánh giá lại sự phát triển kinh tế của Triều Tiên từ sau năm 1945 đến trước khủng hoảng năm 1990, đồng thời phân tích tiến trình cải cách kinh tế sau cuộc khủng hoảng này. Về chính trị, an ninh, đối ngoại, các tác giả đề cập đến việc củng cố vị trí người lãnh đạo tối cao trong hệ thống chính trị; đảm bảo an ninh quốc gia bằng vũ khí hạt nhân; tiến trình giải quyết khủng hoảng hạt nhân; và vấn đề khai thông quan hệ với Mỹ. Về văn hoá-xã hội, phản ánh thực trạng đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân và đời sống xã hội của người dân.

HOÀI PHÚC